

2012

Annual Report



MỤC LỤC

03	GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT NH PTVN
06	BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO
12	SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC
14	HỆ THỐNG CÁC CƠ SỞ GIAO DỊCH VÀ CHI NHÁNH NHPT
20	CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH
21	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
22	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
23	MỘT SỐ CHÚ THÍCH TÀI CHÍNH

INDEX

OVERVIEW OF VIETNAM DEVELOPMENT BANK	34
BOARD OF MANAGEMENT	37
ORGANIZATION STRUCTURE	43
VIETNAM DEVELOPMENT BANK'S BRANCHES	45
FINANCIAL STATEMENT PRINCIPLES	51
BALANCE SHEET	52
INCOME STATEMENT	53
FINANCIAL NOTES	54

Ngân hàng Phát triển Việt Nam



Toàn cảnh Ngân hàng Phát triển Việt Nam

GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

I. KHÁI QUÁT VỀ NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM:

1. Quá trình hình thành và phát triển của Ngân hàng Phát triển Việt Nam:

Ngày 19/05/2006, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 108/QĐ-TTg về việc thành lập Ngân hàng Phát triển Việt Nam (NHPT) trên cơ sở tổ chức lại hệ thống Quỹ Hỗ trợ Phát triển để thực hiện chính sách tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước với thời gian hoạt động là 99 năm kể từ ngày Quyết định số 108/2006/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành. Cùng thời điểm đó, Thủ tướng Chính phủ cũng ban hành Quyết định số 110/2006/QĐ-TTg ngày 19/05/2006 về việc phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của NHPT. Tiếp đó, ngày 30/03/2007, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 44/2007/QĐ-TTg về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với NHPT.

NHPT có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ 10.000 tỷ đồng, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận. NHPT được Chính phủ đảm bảo khả năng thanh toán, không phải thực hiện dự trù bắt buộc và tham gia bảo hiểm tiền gửi, được miễn nộp thuế và các khoản phải nộp NSNN.

Với phương châm hoạt động “**An toàn – Hiệu quả - Hội nhập quốc tế - Phát triển bền vững**”, qua 6 năm xây dựng và trưởng thành, NHPT đã đạt được một số thành công nhất định, góp phần vào quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước.

Trụ sở hoạt động:

- Địa chỉ: 25A Cát Linh - Đống Đa - Hà Nội
- Điện thoại: (04)37365 659 - (04)37 365 671
- Fax: (04) 37 365672

2. Chức năng và nhiệm vụ của Ngân hàng Phát triển Việt Nam:

Quyết định số 108/QĐ-TTg ngày 19/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về việc thành lập NHPT đã nêu các nhiệm vụ cụ thể của NHPT, bao gồm:

- Huy động, tiếp nhận vốn của các tổ chức trong và ngoài nước để thực hiện tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước;

- Thực hiện chính sách tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước theo quy định;
- Nhận uỷ thác quản lý nguồn vốn ODA được Chính phủ cho vay lại; nhận uỷ thác, cấp phát cho vay đầu tư và thu hồi nợ của khách hàng từ các tổ chức trong và ngoài nước thông qua hợp đồng nhận uỷ thác;
- Uỷ thác cho các tổ chức tài chính, tổ chức tín dụng thực hiện nghiệp vụ tín dụng của NHPT;
- Cung cấp các dịch vụ thanh toán cho khách hàng và tham gia hệ thống thanh toán trong nước và quốc tế phục vụ các hoạt động của NHPT theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ngân hàng Phát triển tiếp tục được Thủ tướng Chính phủ tin tưởng giao thêm một số nhiệm vụ sau:

- Bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn Ngân hàng thương mại theo Quyết định số 14/QĐ-TTg ngày 21/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ;
- Cho doanh nghiệp gặp khó khăn do suy giảm kinh tế vay vốn trả nợ lương và thanh toán BHXH đối với người lao động mất việc làm theo Quyết định số 30/QĐ-TTg ngày 23/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ;
- Bên cạnh các nhiệm vụ thường xuyên, NHPT cũng thực hiện các nhiệm vụ khác được Thủ tướng Chính phủ giao như: quản lý cấp phát, thanh toán các dự án thành phần thuộc Dự án Thủy điện Sơn La, bao gồm: di dân tái định cư, xây dựng nhà máy, làm đường giao thông tránh ngập. Từ năm 2008, Thủ tướng Chính phủ cũng đã giao cho NHPT thực hiện việc cho vay và đầu tư xây dựng Đường ôtô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng.

3. Nguồn vốn hoạt động của NHPT:

- Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước:
 - a) Vốn điều lệ của NHPT;
 - b) Vốn của ngân sách nhà nước cấp cho các dự án theo kế hoạch hàng năm;
 - c) Vốn ODA được Chính phủ giao.

- Vốn huy động:
 - a) Phát hành trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi theo quy định của pháp luật;
 - b) Vay Tiết kiệm bưu điện, Quỹ Bảo hiểm xã hội và các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước.
- Nhận tiền gửi ủy thác của các tổ chức trong và ngoài nước.
- Vốn đóng góp tự nguyện không hoàn trả của các cá nhân, các tổ chức kinh tế, tổ chức tài chính, tín dụng và các tổ chức chính trị - xã hội, các hiệp hội, các hội, các tổ chức trong và ngoài nước.
- Vốn nhận ủy thác cấp phát, cho vay của chính quyền địa phương, các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội, các hiệp hội, các hội, các tổ chức, các cá nhân trong và ngoài nước.
- Các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Bối cảnh tình hình kinh tế thế giới, Việt Nam năm 2012 và hoạt động của NHPT:

1. Bối cảnh kinh tế toàn cầu và Việt Nam năm 2012 – Những tác động chủ yếu đến hoạt động của NHPT:

Khủng hoảng và suy thoái kinh tế là gam màu chủ đạo của bức tranh kinh tế thế giới trong năm 2012. Nhịp độ tăng trưởng kinh tế của các nước trên thế giới tiếp tục giảm, đạt 2,3%, giảm so với năm 2011 (4%). Đặc biệt là các nền kinh tế đầu tàu suy giảm kéo theo sự sụt giảm của các nền kinh tế khác. Và mối đe dọa lớn nhất chưa được giải quyết đang gây nên sự bất ổn của kinh tế thế giới là khủng hoảng nợ công ở Châu Âu, “vách đá tài chính” ở Mỹ và kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm đáng kể. Tình trạng thất nghiệp ngày càng gia tăng, sức mua hạn chế, hoạt động sản xuất và thương mại toàn cầu bị tác động mạnh, giá cả hàng hóa diễn biến phức tạp.

Đứng trước bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều nguy cơ thách thức, nền kinh tế nước ta không tránh khỏi những ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống nhân dân. Phấn đấu mục tiêu đưa kinh tế đất nước từng bước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế, Đảng và Nhà nước ta đã đặt ra kế hoạch hành động trong năm 2012. Đó là ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tăng trưởng ở mức hợp lý gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; bảo đảm phúc lợi xã hội, an sinh xã hội và cải thiện đời sống nhân dân; giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế.

- Tăng trưởng GDP năm 2012 đạt mức 5,03%:

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2012 ước tính tăng 5,03% so với năm 2011 và tăng đều trong cả ba khu vực. Mức tăng trưởng năm 2012 tuy thấp hơn mức tăng 5,89% của năm 2011 nhưng trong bối cảnh kinh tế thế giới gặp khó khăn, cả nước tập trung thực hiện mục tiêu ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô thì mức tăng như vậy là hợp lý và thể hiện xu hướng cải thiện qua từng quý, khẳng định tính kịp thời, đúng đắn và hiệu quả của các biện pháp và giải pháp thực hiện của Trung ương Đảng, Quốc hội và Chính phủ. Quy mô nền kinh

tế ước đạt 155 tỷ USD, với mức GDP bình quân đầu người đạt 1.749 USD/năm.

- Đầu tư phát triển đạt 989,3 nghìn tỷ đồng.

Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện năm 2012 ước đạt 989,3 nghìn tỷ đồng, tăng 7% so với năm 2011 và bằng 33,5% GDP. Tuy nhiên, xét về tỷ trọng so với GDP thì vốn đầu tư năm 2012 đạt thấp nhất kể từ năm 2000. Trong đó, vốn khu vực Nhà nước chiếm 37,8%, khu vực ngoài nhà nước chiếm 38,9%, khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm 23,3%.

- Kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 228,3 tỷ USD

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam năm 2012 đạt 228,3 tỷ USD, tăng 12,1% so với năm 2011. Trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt 114,57 tỷ USD, tăng 18,2% và kim ngạch nhập khẩu là 113,79 tỷ USD, tăng 6,6%. Như vậy, sau 20 năm đây là năm đầu tiên Việt Nam xuất siêu hàng hóa với giá trị là 780 triệu USD. Trạng thái xuất siêu năm 2012 đã giảm áp lực cho cán cân thanh toán và góp phần kiềm chế lạm phát.

- Bội chi NSNN năm 2012 giảm xuống còn 4,8%

Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2012 ước đạt 658,6 nghìn tỷ đồng, bằng 88,9% dự toán năm, giảm 2,3% so với năm 2011. Tổng chi ngân sách nhà nước ước đạt 821,2 nghìn tỷ đồng, bằng 90,9% dự toán năm, tăng 3,2% so với năm 2011. Mức bội chi ngân sách nhà nước bằng 4,8% GDP, giảm so với năm 2011 (4,9% GDP) và đạt kế hoạch do Quốc hội đề ra. Trong đó, dư nợ công trong giới hạn an toàn cho phép.

- Tăng trưởng tín dụng 8,9%

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 3/1/2012, Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 10/5/2012 của Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước đã triển khai quyết liệt chính sách tiền tệ thắt chặt nhằm đảm bảo thanh khoản, ổn định thị trường tiền tệ, thị trường ngoại tệ, vàng, giảm nhanh mặt bằng lãi suất cho vay và tái cơ cấu hệ thống ngân hàng. Tổng phương tiện thanh toán tăng 22,4% so với cuối năm 2011, cao hơn mức định hướng đề ra. Mặt bằng lãi suất huy động VND giảm 3-6%/năm, lãi suất cho vay giảm 5-9%/năm, lãi suất trên thị trường liên ngân hàng giảm 10-11%/năm. Tăng trưởng tín dụng năm 2012 đạt 8,91% trong đó tín dụng VND tăng 11,51%, tín dụng bằng ngoại tệ giảm

1,56% so với năm 2011. Tỷ giá mua trung bình của các ngân hàng thương mại giảm 1% so với năm 2011, chênh lệch tỷ giá chính thức và tỷ giá thị trường tự do bị thu hẹp, tỷ lệ đô la hóa giảm còn 12,3% từ mức 15,8% vào cuối năm 2011. Đặc biệt năm 2012 đánh dấu sự mở đầu của tiến trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng nhằm nâng cao năng lực hoạt động của các ngân hàng và tăng cường khả năng cạnh tranh của hệ thống ngân hàng Việt Nam so với khu vực và thế giới.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, năm 2012 là năm khó khăn đối với kinh tế Việt Nam xuất phát từ nền kinh tế vĩ mô, các doanh nghiệp và hộ gia đình. Tốc độ tăng trưởng thấp nhất trong nhiều năm gần đây; công tác đầu tư chưa hiệu quả đặc biệt là cơ cấu lại trong lĩnh vực đầu tư công diễn ra chậm chạp; sức mua tăng chậm cùng với tỷ lệ hàng tồn kho tăng, khó khăn trong việc tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ; số lượng doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động tăng cao làm gia tăng thất nghiệp và giảm thu nhập của người lao động, tạo ra vòng xoáy cắt giảm tiêu dùng. Đối với hệ thống tài chính – ngân hàng, nợ xấu đang là điểm nóng tạo nên bất ổn cho các ngân hàng và cần được giải quyết cấp thiết; thị trường bất động sản đóng băng, thể hiện rõ sự suy giảm và khó khăn ở hầu hết các phân khúc khi tiến độ triển khai các dự án chậm trễ, giá cả bất động sản sụt giảm mạnh, giao dịch trầm lắng; thị trường cổ phiếu trì trệ và thanh khoản thấp; thị trường vàng vẫn còn những biến động bất thường.

Bối cảnh nền kinh tế như trên đã tác động đến tình hình hoạt động của NHPT trên các phương diện sau:

Thứ nhất, khủng hoảng tài chính tiền tệ trên thế giới khiến cho dòng vốn thu hút vào Việt Nam giảm, đặc biệt nguồn vốn ODA cho Việt Nam năm 2012 là 7,4 tỷ USD giảm 0,5 tỷ USD so với năm 2011, làm ảnh hưởng tới nguồn vốn để cho vay lại các dự án mà NHPT đang thực hiện.

Thứ hai, sự sụt giảm về nhu cầu trên thị trường xuất khẩu của Việt Nam (chủ yếu là thị trường Châu Âu và châu Mỹ) cùng với giá cả hàng hóa diễn biến phức tạp là nhân tố thu hẹp thị trường tiêu thụ sản phẩm của các doanh nghiệp Việt Nam. Mặc dù năm 2012, Việt Nam có trạng thái xuất siêu nhưng chủ yếu là từ xuất khẩu dầu thô, trong khi đó doanh số các mặt hàng có lợi thế cạnh tranh của Việt Nam có xu hướng giảm. Nhiều doanh nghiệp vay vốn TĐXK của NHPT gấp khó khăn về tài chính do chi phí đầu vào tăng và không ổn định về đầu ra.

Thứ ba, lãi suất cho vay giảm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vay vốn giảm chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, lãi suất huy động vốn thấp đang là rào cản đối với NHPT do kém hấp dẫn các nhà đầu tư gửi tiền và mua trái phiếu của NHPT.

Thứ tư, tái cơ cấu hệ thống ngân hàng đòi hỏi NHPT cũng phải thực hiện tái cơ cấu hoạt động mà gốc rễ là xử lý triệt để tình trạng nợ xấu, căn bệnh chung của hệ thống ngân hàng. Trong bối cảnh hạn hẹp về nguồn lực trong nền kinh tế, giảm sút về năng lực tài chính của các doanh nghiệp, những khó khăn nội tại của NHPT và yêu cầu cấp thiết từ Chính phủ thì việc tái cơ cấu NHPT gấp nhiều vướng mắc và cần có thời gian, lộ trình cụ thể để thực hiện.

Thứ năm, với mục tiêu thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, nhiệm vụ của Chính phủ giao NHPT ngày càng nặng nề. Việc huy động đủ nguồn vốn đảm bảo giải ngân cho các dự án/khách hàng gây áp lực cho NHPT trong việc cân đối nguồn vốn và sử dụng vốn cũng như an toàn tín dụng, đảm bảo thanh khoản và quản trị rủi ro.

2. Tình hình triển khai nhiệm vụ năm 2012 của NHPT:

2.1. Huy động và tiếp nhận nguồn vốn:

Trong năm 2012, mặc dù thị trường tài chính tiền tệ còn nhiều khó khăn nhưng NHPT đã huy động đủ nguồn vốn để đảm bảo hỗ trợ cho các doanh nghiệp theo đúng nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao. Vốn huy động thông qua phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh là 34.880 tỷ đồng, bao gồm 2.000 tỷ đồng giao bổ sung theo Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 10/5/2012 của Chính phủ.

2.2. Tín dụng đầu tư

Tiếp tục đảm bảo hỗ trợ tối đa cho các doanh nghiệp thực hiện đầu tư dự án, chương trình trọng điểm của Chính phủ, năm 2012, NHPT đã giải ngân cho nền kinh tế 21.819 tỷ đồng. Tăng trưởng dư nợ tín dụng đạt ở mức 10,4%, hoàn thành sát với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao là 10,8%. Vốn tín dụng đầu tư được ưu tiên bố trí cho các dự án chuyển tiếp có khả năng hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng, các dự án chương trình trọng điểm của Chính phủ.

Cùng với việc kiểm soát chặt chẽ quy trình cho vay, công tác xử lý và thu hồi nợ vay được NHPT triển khai quyết liệt, đồng thời có các giải pháp cơ cấu cho các dự án khó khăn theo tinh thần Nghị quyết 13/NQ-CP.

2.3. Tín dụng xuất khẩu

NHPT đã ký 751 hợp đồng tín dụng cho các doanh nghiệp xuất khẩu với số vốn vay là 9.272 tỷ đồng. Vốn tín dụng xuất khẩu của NHPT trong năm 2012 đã đóng góp tích cực đối với một số ngành, vùng, lĩnh vực trong danh mục thúc đẩy xuất khẩu, đặc biệt đối với mặt hàng cá tra. Dư nợ bình quân năm 2012 đạt 12.800 tỷ đồng, bằng 76% so với năm 2011. Trong công tác cho vay, NHPT đã tăng cường kiểm soát đối với khách hàng và kiểm soát chéo giữa các bộ phận trong NHPT, góp phần ngăn ngừa và hạn chế rủi ro tín dụng.

2.4. Vốn ODA và các Quỹ quay vòng:

NHPT đang quản lý 390 dự án ODA cho vay lại với số vốn vay theo HĐTD tương đương 10.987 triệu USD, 43 dự án cho vay theo chương trình mục tiêu với số vốn cam kết theo Hiệp định tín dụng đã ký giữa Chính phủ Việt Nam và nhà tài trợ tương đương 92,5 triệu USD và 02 dự án ODA Việt Nam ra nước ngoài với số vốn cam kết là 68,8 triệu USD. Trong năm 2012, số vốn giải ngân đạt 18.265 tỷ đồng (tương đương 876 triệu USD), vượt kế hoạch được giao. Công tác ghi thu ghi chi đã kịp thời hơn so với nhiều năm trước, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hạch toán vốn vay của chủ đầu tư, tính toán và thu hồi nợ vay từ dự án của NHPT.

2.5. Hỗ trợ sau đầu tư, quản lý vốn ủy thác và cho vay khác:

NHPT tiếp tục quản lý và cấp hỗ trợ sau đầu tư cho 183 dự án của 166 khách hàng với số tiền hỗ trợ theo Hợp đồng hỗ trợ sau đầu tư là 2.087 tỷ đồng. Số cấp trong năm 2012 là 253 tỷ đồng.

Cấp phát, cho vay ủy thác đối với dự án bồi thường, di dân tái định cư thủy điện Sơn La: NHPT đang quản lý 2.235 dự án thành phần trong đó có 1.883 dự án đã hoàn thành. Năm 2012, NHPT đã thực hiện cấp hơn 2.000 tỷ đồng cho các dự án, đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn và góp phần đẩy nhanh các hạng mục/dự án thành phần.

Số vốn thanh toán ủy thác trong năm 2012 là 313 tỷ đồng.

2.6. Bảo lãnh doanh nghiệp vay vốn tại các Ngân hàng thương mại:

Nhằm tháo gỡ và hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận vốn vay của NHTM, năm 2012, NHPT tiếp tục thực hiện nghiệp vụ bảo lãnh với số chứng thư còn hiệu lực là 158 chứng thư, trị giá 2.063 tỷ đồng và 25,6 triệu USD. Hoạt động bảo lãnh

doanh nghiệp vay vốn tại các Ngân hàng thương mại của NHPT đã góp phần hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận được với nguồn vốn của các Ngân hàng thương mại để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.7. Xây dựng nội ngành

Công tác xây dựng nội ngành được NHPT tích cực triển khai nhằm hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật, nâng cấp điều kiện làm việc cho toàn hệ thống. Năm 2012, NHPT đã thực hiện 48% kế hoạch mua sắm tài sản và xây dựng cơ bản nội ngành.

2.8. Hợp tác quốc tế

Hoạt động hợp tác quốc tế đã hỗ trợ rất nhiều trong công tác huy động vốn nước ngoài nhằm giảm sức ép về vốn trong hệ thống, đáp ứng nhu cầu về vốn cho các dự án trọng điểm của ngành (Dự án xây dựng đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, Chương trình Phong điện, Chương trình phát triển công nghiệp phụ trợ và tín dụng xuất khẩu với Ngân hàng hợp tác quốc tế Nhật Bản (JBIC)).

Bên cạnh đó, NHPT đã quảng bá hình ảnh, củng cố, mở rộng và duy trì mối quan hệ với các đối tác, dần từng bước hòa nhập sân chơi chung với các tổ chức tài chính trong khu vực như ADFIAP, AEBE.

2.9. Pháp chế

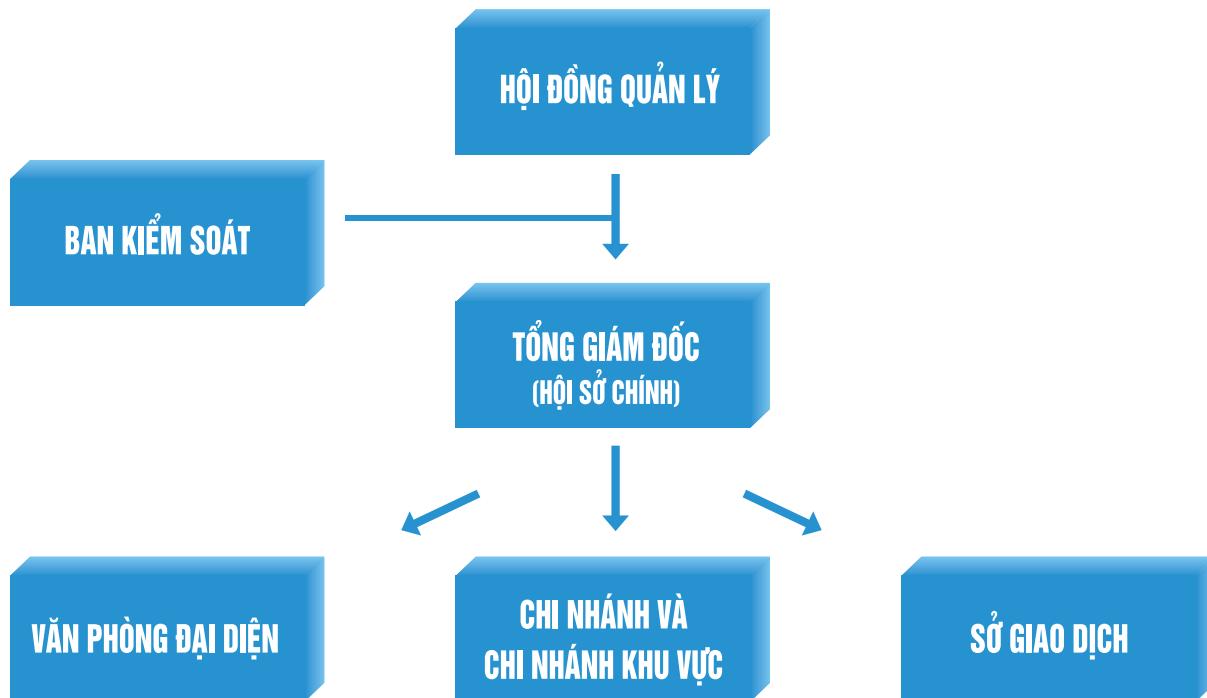
Công tác pháp chế trong toàn hệ thống đã đi vào nề nếp và ngày càng được hoàn thiện, bao gồm cả lĩnh vực tham gia xây dựng cơ chế chính sách, hỗ trợ pháp lý, phổ biến pháp luật và kiểm tra việc thực hiện pháp luật.

2.10. Công tác thanh toán:

Tổ chức bộ máy cho công tác thanh toán từ Hội sở chính đến chi nhánh ngày càng hoàn thiện theo hướng chuyên nghiệp hóa, hiện đại hóa, đảm bảo vận hành hệ thống thanh toán thông suốt. Thực hiện ổn định, an toàn, chính xác theo đúng các quy định của NHPT, không có trường hợp chuyển tiền thừa, thiếu hoặc mất tiền. Hiệu quả công tác thanh toán tiếp tục được đảm bảo, thể hiện ở 2 yếu tố: Tốc độ thanh toán thực hiện nhanh hơn; Chi phí thanh toán thực hiện tiết kiệm, hợp lý.

CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY, NHÂN SỰ

Mô hình tổ chức NHPT năm 2012



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ VÀ BAN LÃNH ĐẠO NHPT NĂM 2012

Hội đồng quản lý NHPT

Ông Trần Xuân Hà	Thứ trưởng Bộ Tài chính, Ủy viên phụ trách HĐQL
Ông Cao Viết Sinh	Thứ trưởng Bộ Kế hoạch đầu tư, Ủy viên
Ông Đặng Thanh Bình	Phó thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Dũng	Tổng giám đốc NHPT, Ủy viên
Ông Đào Ngọc Thắng	Ủy viên chuyên trách
Ông Đồng Quang Đại	Ủy viên kiêm Trưởng ban Kiểm soát

Ban Lãnh đạo NHPT

Ông Nguyễn Quang Dũng	Tổng giám đốc.
Ông Trần Bá Huấn	Phó Tổng giám đốc.
Bà Đào Dung Anh	Phó Tổng giám đốc.
Ông Nguyễn Chí Trang	Phó Tổng giám đốc.
Ông Đào Văn Chiến	Phó Tổng giám đốc.
Ông Phạm Đức Hòa	Phó Tổng giám đốc.
Ông Trần Phú Minh	Phó Tổng giám đốc.
Ông Đào Quang Trường	Phó Tổng giám đốc.

HỆ THỐNG MẠNG LƯỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

1	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT BÀ RỊA - VŨNG TÀU
	Địa chỉ: 211 Lê Hồng Phong - Phường 8 - Thành phố Vũng Tàu - Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
	Điện thoại: 064 3857091 Fax: 064 3854676
2	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT KHU VỰC BẮC KẠN - THÁI NGUYÊN
	Văn phòng chi nhánh: 16 Đường Nha Trang - Phường Trung Vương - Thành phố Thái Nguyên Tỉnh Thái Nguyên
	Điện thoại: 0280 3657368 - 0280 3657968 Fax: 0280 3852866
	Phòng giao dịch Bắc Kạn: 02 Đường Hùng Vương - Tô 4 - Phường Đức Xuân - Thị xã Bắc Kạn Tỉnh Bắc Kạn
	Điện thoại: 0281 3870008 - 0281 3870210 Fax: 0281 3870628
3	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT BẮC GIANG
	Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Lưu - Thành phố Bắc Giang - Tỉnh Bắc Giang
	Điện thoại: 0240 3856211 Fax: 0240 3857011
4	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT BẾN TRE
	Địa chỉ: 172 Hùng Vương - Phường 3 - Thành Phố Bến Tre - Tỉnh Bến Tre
	Điện thoại: 075 3826056 Fax: 075 3823358
5	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT BÌNH DƯƠNG
	Địa chỉ: 189 Đại lộ Bình Dương - Phường Phú Thọ - Thành phố Thủ Dầu Một - Tỉnh Bình Dương
	Điện thoại: 0650 3823946 Fax: 0650 3823695
6	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT BÌNH ĐỊNH
	Địa chỉ: 06 đường Lê Duẩn - Thành phố Qui Nhơn - Tỉnh Bình Định
	Điện thoại: 056 3520719 Fax: 056 3520709
7	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT BÌNH PHƯỚC
	Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Linh - Phường Tân Phú - Thị xã Đồng Xoài - Tỉnh Bình Phước
	Điện thoại: 0651 3870206 Fax: 0651 3879460
8	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT BÌNH THUẬN
	Địa chỉ: 12 Nguyễn Tất Thành - Phường Bình Hưng - Thành phố Phan Thiết - Tỉnh Bình Thuận
	Điện thoại: 062 3824 719 Fax: 062 3833451
9	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT CAO BẰNG
	Địa chỉ: 032 Phố Xuân Trường - Phường Hợp Giang - Thành phố Cao Bằng - Tỉnh Cao Bằng
	Điện thoại: 026 3853673 Fax: 026 3853069
10	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT KHU VỰC CẦN THƠ - HẬU GIANG
	1.Văn phòng chi nhánh: 01 Hai Bà Trưng - Quận Ninh Kiều - Thành phố Cần Thơ
	Điện thoại: 0710 3821769 Fax: 0710 3821778
	2.Phòng Giao dịch Hậu Giang: 75 Ngô Quốc Trị - P.5 - Thành phố Vị Thanh - Tỉnh Hậu Giang
	Điện thoại: 0711 3870135 Fax: 0711 3870136

11	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT ĐÀ NẴNG
	Địa chỉ: 74 Quang Trung - Phường Thạch Thang - Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng
	Điện thoại: 0511 3834265 Fax: 0511 3830577
12	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT KHU VỰC ĐĂKLĂK - ĐĂKNÔNG
	Địa chỉ: 15 Đường Trường Chinh - Thành phố Buôn Ma Thuột - Tỉnh ĐăkLăk
	Điện thoại: 0500 3956365 Fax: 0500 3955675
13	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT ĐIỆN BIÊN
	Địa chỉ: 908 Đường 7/5 - Phường Mường Thanh - Thành phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên
	Điện thoại: 0230 3827385 Fax: 0230 3825801
14	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT ĐỒNG NAI
	Địa chỉ: Đường Nguyễn Ái Quốc - Phường Quang Vinh - Thành phố Biên Hòa - Tỉnh Đồng Nai
	Điện thoại: 061 3828558 Fax: 061 3826288
15	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT KHU VỰC ĐỒNG THÁP - AN GIANG
	1.Văn phòng chi nhánh: 48 Nguyễn Quang Diệu - Phường 1- Thành phố Cao Lãnh - Tỉnh Đồng Tháp
	Điện thoại: 067 3852472 Fax: 067 3852477
	2.Phòng giao dịch An Giang: 83 Nguyễn Huệ - Phường Mỹ Long - Thành phố Long Xuyên Tỉnh An Giang
	Điện thoại: 076 3846220 Fax: 076 3846223
16	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT GIA LAI
	Địa chỉ: 02A Hoàng Hoa Thám - Thành phố Pleiku - Tỉnh Gia Lai
	Điện thoại: 059 3821390 Fax : 059 3822505
17	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT HÀ NAM
	Địa chỉ: 03 Đường Trần Phú - Phường Quang Trung - Thành phố Phủ Lý - Tỉnh Hà Nam
	Điện thoại: 0351 3852095 Fax: 0351 3854130
18	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT HÀ GIANG
	Địa chỉ: 10 Đường Bạch Đằng - Phường Nguyễn Trãi - Thành phố Hà Giang - Tỉnh Hà Giang
	Điện thoại: 0219 3866958 Fax: 0219 3866958
19	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT HÀ TĨNH
	Địa chỉ: 01 Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh
	Điện thoại: 039 3857273 Fax: 039 3856575
20	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT HẢI DƯƠNG
	Địa chỉ: 7 Đường Hồng Quang - Phường Nguyễn Trãi - Thành phố Hải Dương - Tỉnh Hải Dương
	Điện thoại: 0320 3856114 Fax: 0320 3857771
21	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT HẢI PHÒNG
	Địa chỉ: 47A Lương Khánh Thiện - Quận Ngũ Quyền - Thành phố Hải Phòng
	Điện thoại: 031 3921710 Fax: 031 3921201
22	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT HƯNG YÊN
	Địa chỉ: 07 Chu Mạnh Trinh - Phường Hiền Nam - Thành phố Hưng Yên - Tỉnh Hưng Yên

	Điện thoại: 0321 3551089 Fax: 0321 3862798
23	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT KHÁNH HÒA Địa chỉ: 65 Yersin - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa
	Điện thoại: 058 3825091 Fax: 058 3825435
24	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT KIÊN GIANG Địa chỉ: 321 Đường 3 tháng 2 - Phường Vĩnh Lạc - Thành phố Rạch Giá - Tỉnh Kiên Giang
	Điện thoại: 077 3863637 Fax: 077 3868165
25	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT KON TUM Địa chỉ: 84B - Phan Chu Trinh - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum
	Điện thoại: 060 3862906 Fax: 060 3863890
26	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT LAI CHÂU Địa chỉ: Phường Đông Phong - Thị xã Lai Châu - Tỉnh Lai Châu
	Điện thoại: 0231 3875408 Fax: 0231 3876769
27	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT LÂM ĐỒNG Địa chỉ: 2A Lê Hồng Phong - Phường 4 - Thành phố Đà Lạt - Tỉnh Lâm Đồng
	Điện thoại: 063 3825356 Fax: 063 3825983
28	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT LẠNG SƠN Địa chỉ: 53 Đường Lê Lợi - Phường Vĩnh Trại - Thành phố Lạng Sơn - Tỉnh Lạng Sơn
	Điện thoại: 025 3872196 Fax: 025 3873010
29	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT LÀO CAI Địa chỉ: Đường 1/5 - Phường Nam Cường - Thành phố Lào Cai - Tỉnh Lào Cai
	Điện thoại: 020 3825161 Fax: 020 3820576
30	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT KHU VỰC MINH HẢI 1. Văn phòng Chi nhánh: 07 Đường An Dương Vương - Phường 7 - Thành phố Cà Mau Tỉnh Cà Mau
	Điện thoại: 0780 3835018 Fax: 0780 3836016 / 0780 3685116
	2. Phòng giao dịch Bạc Liêu: 175 Đường Trần Quỳnh - Phường 1 - Thành phố Bạc Liêu Tỉnh Bạc Liêu
	Điện thoại: 0781 3820328 Fax: 0781 3823960
31	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT NAM ĐỊNH Địa chỉ: 151 Đường Bắc Ninh - Phường Nguyễn Du - Thành phố Nam Định - Tỉnh Nam Định
	Điện thoại: 0350 3846862 Fax: 0350 3844033
32	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT NGHỆ AN Địa chỉ: 45 Đường Duy Tân - Phường Hưng Phúc - Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An
	Điện thoại: 038 3840668 Fax: 038 3846228
33	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT NINH BÌNH Địa chỉ: 05 Lê Hồng Phong - Vân Giang - Thành phố Ninh Bình - Tỉnh Ninh Bình
	Điện thoại: 030 3872624 Fax: 030 3873066

34	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT NINH THUẬN
	Địa chỉ: 28 Đường 16 tháng 4 - Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm - Tỉnh Ninh Thuận
	Điện thoại: 068 3824540 Fax: 068 3824569
35	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT PHÚ THỌ
	Địa chỉ: 1500 Hùng Vương - Phường Gia Cẩm - Thành phố Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ
	Điện thoại: 0210 3845227 Fax: 0210 3848700
36	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT PHÚ YÊN
	Địa chỉ: 337 Lê Duẩn - Phường 7 - Thành phố Tuy Hòa - Tỉnh Phú Yên
	Điện thoại: 057 3842454 Fax: 057 3841056
37	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT QUẢNG BÌNH
	Địa chỉ: 02 Trần Hưng Đạo - Thành phố Đồng Hới - Tỉnh Quảng Bình
	Điện thoại: 052 3822003 Fax: 052 3822338
38	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT QUẢNG NAM
	Địa chỉ: 13 Trần Hưng Đạo - Thành phố Tam Kỳ - Tỉnh Quảng Nam
	Điện thoại: 0510 3852926 Fax: 0510 3852296
39	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT QUẢNG NGÃI
	Địa chỉ: 29 Hai Bà Trưng - Thành phố Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi
	Điện thoại: 055 3828528 Fax: 055 3820533
40	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT QUẢNG NINH
	Địa chỉ: 03 đường Đông Hồ - Thành phố Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh
	Điện thoại: 033 3828050 Fax: 033 3828174
41	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT QUẢNG TRỊ
	Địa chỉ: 184 Đường Trần Hưng Đạo - Thành phố Đông Hà - Tỉnh Quảng Trị
	Điện thoại: 053 3851857 - 053 3854707 Fax: 053 3851085
42	TÊN ĐƠN VỊ: SỞ GIAO DỊCH I
	1.Văn phòng chi nhánh: 104 Trần Hưng Đạo - Phường Cửa Nam - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
	Điện thoại: 04 39427908 Fax: 04 39427900
	2.Phòng giao dịch Vĩnh Phúc: 10 Đường Kim Ngọc - Thành phố Vĩnh Yên - Tỉnh Vĩnh Phúc
	Điện thoại: 0211 3860591 Fax: 0211 3861163
	3.Phòng giao dịch Hòa Bình: Đường Cù Chính Lan - Phường Đồng Tiến - Thành phố Hòa Bình Tỉnh Hòa Bình
	Điện thoại: 0218 3856596 Fax: 0218 3856604
	4.Phòng giao dịch Bắc Ninh: 02 Nguyễn Đăng Đạo - Phường Tiền An – Thành phố Bắc Ninh Tỉnh Bắc Ninh
	Điện thoại: 0241 3822024 Fax: 0241 3822625
43	TÊN ĐƠN VỊ: SỞ GIAO DỊCH II
	1.Văn phòng chi nhánh: 229 Đồng khởi - Phường Bến Nghé - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh
	Điện thoại: 083 8250063 Fax: 083 8245811

	2.Phòng giao dịch Long An: 06 Đường Phan Bội Châu - Phường I - Thành phố Tân An Tỉnh Long An
	Điện thoại: 072 3824406 Fax: 072 3822133 - 072 3553508
44	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT SÓC TRĂNG
	Địa chỉ: 16A Trần Hưng Đạo - Phường 2 - Thành phố Sóc Trăng - Tỉnh Sóc Trăng
	Điện thoại: 079 3822618 Fax: 079 3820778
45	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT SƠN LA
	Địa chỉ: 56B Đường Lò Văn Giá - Thành phố Sơn La - Tỉnh Sơn La
	Điện thoại: 022 3852861 Fax: 022 3853060
46	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT TÂY NINH
	Địa chỉ: 385 Đường 30/4 - Phường I - Thị xã Tây Ninh - Tỉnh Tây Ninh
	Điện thoại: 066 3810851 Fax: 066 3827088
47	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT THÁI BÌNH
	Địa chỉ: 5 Phố Lê Lợi - Phường Lê Hồng Phong - Thành phố Thái Bình - Tỉnh Thái Bình
	Điện thoại: 036 3734426 Fax: 036 3734840
48	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT THANH HÓA
	Địa chỉ: 44A Đại lộ Lê Lợi - Phường Tân Sơn - Thành phố Thanh Hóa - Tỉnh Thanh Hóa
	Điện thoại: 037 3853072 Fax: 037 3854048
49	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT THÙA THIÊN HUẾ
	Địa chỉ: 02 Nguyễn Thị Minh Khai - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế
	Điện thoại: 054 3828526 Fax: 054 3828527
50	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT TIỀN GIANG
	Địa chỉ: 19 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Phường 4 - Thành phố Mỹ Tho - Tỉnh Tiền Giang
	Điện thoại: 073 3875543 Fax: 073 3875542
51	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT TRÀ VINH
	Địa chỉ: 10 Trung Nữ Vương - Phường I - Thành phố Trà Vinh - Tỉnh Trà Vinh
	Điện thoại: 074 3854007 Fax: 074 3854076
52	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT TUYÊN QUANG
	Địa chỉ: 258 Đường Tân Trào - Phường Minh Xuân - Thành phố Tuyên Quang Tỉnh Tuyên Quang
	Điện thoại: 027 3821382 Fax: 027 3821461
53	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT VĨNH LONG
	Địa chỉ: 8 Hưng Đạo Vương - Phường 1 - Thành phố Vĩnh Long - Tỉnh Vĩnh Long
	Điện thoại: 070 3824262 Fax : 070 3824425
54	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT YÊN BÁI
	Địa chỉ: 1026 Đường Điện Biên - Phường Đồng Tâm - Thành phố Yên Bái - Tỉnh Yên Bái
	Điện thoại: 029 3853158 Fax: 029 3851319

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM NĂM 2012

Ý KIẾN KIỂM TOÁN

“Báo cáo tài chính năm 2012 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam sau khi điều chỉnh số liệu theo kết quả kiểm toán của Đoàn Kiểm toán Nhà nước, đã phản ánh tương đối đầy đủ các khoản tài sản nguồn vốn theo quy định”.

(Trích “Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012
của Ngân hàng phát triển Việt Nam”)

CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ngân hàng Phát triển Việt Nam áp dụng và thực hiện công tác kế toán năm 2012 theo hệ thống tài khoản kế toán, hệ thống mẫu biểu báo cáo kế toán, sổ kế toán và chứng từ kế toán ban hành theo công văn số 15682/BTC-CĐKT ngày 24/12/2008 của Bộ Tài chính và công văn số 12375/BTC-CĐKT ngày 4/10/2010 của Bộ Tài chính.

2. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. Đơn vị tiền tệ lập báo cáo tài chính là đồng Việt Nam.

Các tài khoản ngoại tệ được hạch toán theo nguyên tệ. Cuối tháng, số dư và doanh số của các tài khoản này được quy đổi ra đồng Việt Nam để tổng hợp và phản ánh trên bảng cân đối tài khoản hàng tháng bằng đồng Việt Nam.

4. Phương pháp hạch toán kế toán: kết hợp giữa kế toán dồn tích và kế toán theo dòng tiền.

Thu nhập từ lãi cho vay hạch toán theo phương pháp thực thu, chi phí lãi vay/huy động vốn phải trả hạch toán theo phương pháp thực chi (kế toán theo dòng tiền).

Đối với các phần hành kế toán khác, tuân thủ phương pháp kế toán dồn tích.

5. Phương pháp kế toán tài sản cố định:

Tài sản cố định được quản lý, sử dụng và trích khấu hao theo Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính.

6. Hình thức kế toán áp dụng: kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của hình thức kế toán Nhật ký chung.

BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	Chú thích	2011	2012
A - TÀI SẢN			
Tiền mặt	1	8.332	3.825
Tiền gửi	2	32.046.617	26.994.809
Tài sản trong hoạt động nghiệp vụ	3	226.932.798	242.990.839
Các khoản phải thu	4	10.809.820	16.571.513
Tài sản cố định	5	1.226.943	1.322.303
Tài sản Có khác	6	3.683.613	3.817.603
Tổng Tài sản		274.708.123	291.700.892
B - NGUỒN VỐN			
Tiền gửi của KBNN, TCTC, TCTD	7	342.021	2.499.366
Tiền gửi của TCKT, khách hàng	8	12.199.584	4.525.644
Vay NSNN, TCTC, TCTD	9	14.523.560	12.604.690
Vốn uỷ thác đầu tư	10	107.387.599	121.937.930
Phát hành giấy tờ có giá	11	115.504.800	127.348.800
Các khoản phải trả, phải nộp	12	5.270.970	3.699.346
Tài sản Nợ khác	13	3.552.823	2.666.415
Vốn của NHPT	14	12.124.931	12.311.097
Quỹ của NHPT	15	2.052.574	2.610.358
Kết quả hoạt động chưa phân phối	16	1.749.261	1.497.246
Tổng Nguồn vốn		274.708.123	291.700.892

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	Chú thích	2011	2012
Thu lãi cho vay	17	7.358.385	8.930.837
Thu lãi tiền gửi	18	4.919.364	2.919.078
Thu ngoài lãi	19	3.947.584	6.299.908
Tổng thu nhập		16.225.333	18.149.823
Chi trả lãi tiền vay	20	1.441.832	1.101.991
Chi trả lãi tiền gửi	21	653.202	1.428.103
Chi trả lãi phát hành giấy tờ có giá	22	10.141.168	12.742.560
Chi ngoài lãi	23	2.973.169	2.266.886
Tổng chi phí		15.209.371	17.539.540
Chênh lệch thu - chi		1.015.962	610.283

MỘT SỐ CHÚ THÍCH TÀI CHÍNH

1.Tiền mặt

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2011	2012
Tiền mặt	8.332	3.825
Tiền mặt tại quỹ	8.332	3.825

2.Tiền gửi

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2011	2012
Tiền gửi	32.046.617	26.994.809
Tiền gửi tại NHNN	269.972	199.572
Tiền gửi tại các TCTD	31.776.645	26.795.237
+Tiền gửi không kì hạn	2.765.912	2.611.617
+ Tiền gửi có kì hạn	29.010.732	24.183.620

3.Tài sản trong hoạt động nghiệp vụ

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2011	2012
Tài sản trong hoạt động nghiệp vụ	226.932.798	242.990.839
Cho vay tín dụng xuất khẩu	16.226.757	10.247.736
Trong đó:		
+ Quá hạn	2.712.051	3.074.242
+ Khoanh nợ	-	-
Cho vay trung, dài hạn tín dụng đầu tư	97.851.622	101.340.105
Trong đó:		
+ Quá hạn	3.749.337	1.929.516
+ Khoanh nợ	3.008.769	64.475
Cho vay nhà nhập khẩu	0	0
Trong đó:		
+ Quá hạn	0	0
+ Khoanh nợ	0	0
Cho vay lại vốn ODA	102.643.869	111.307.989
Trong đó:		
+ Quá hạn	919.641	1.847.391
+ Khoanh nợ	133.519	131.126
Cho vay khác	10.103.816	19.877.813
Trong đó:		
+ Quá hạn	162.555	576.496
+ Khoanh nợ	0	100
Bảo lãnh, tái bảo lãnh	106.734	217.196

4.Các khoản phải thu

DVT: triệu đồng

Khoản mục	2011	2012
Các khoản phải thu	10.809.820	16.571.513
Nợ phải thu	2.606.709	5.791.825
+ Chờ NSNN cấp bù CLLS & phí QL	1.993.642	5.195.990
+ Phải thu khác	609.797	592.754
+ Tạm ứng	3.270	3.081
Phải thu trong hoạt động thanh toán (trong đó gồm: số chờ ghi thu ghi chi, số trả Bộ Tài chính vốn ODA chưa tất toán)	8.203.111	10.779.688

5.Tài sản cố định

DVT: triệu đồng

Khoản mục	2011	2012
Tài sản cố định	1.226.943	1.322.303
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	183.937	264.120
Nguyên giá	739.310	895.587
Hao mòn luỹ kế	(555.373)	(631.467)
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	1.043.006	1.058.183
Nguyên giá	1.058.686	1.078.488
Hao mòn luỹ kế	(15.680)	(20.305)

6.Tài sản Có khác

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2011	2012
Tài sản Có khác	3.683.612	3.817.603
+ Vật liệu, công cụ, dụng cụ	0	347
+ Chi phí XDCB DD	260.777	218.420
+ Chi phí trả trước	2.199	2.068
+ Góp vốn, đầu tư dài hạn	3.393.880	3.593.880
+ Tài sản Có khác	26.756	2.888

7. Tiền gửi của KBNN, TCTC, TCTD

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2011	2012
Tiền gửi của KBNN, TCTC, TCTD	342.021	2.499.366
Tiền gửi của KBNN, TCTC, TCTD bằng VNĐ	342.021	2.499.366
Tiền gửi của KBNN, TCTC, TCTD bằng ngoại tệ	0	0

8. Tiền gửi của khách hàng

DVT: triệu đồng

Khoản mục	2011	2012
Tiền gửi của CTKT, khách hàng	12.199.584	4.525.644
<i>Tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn của khách hàng</i>	<i>12.194.724</i>	<i>4.518.445</i>
+ Tiền gửi của khách hàng trong nước bằng VNĐ	7.445.877	4.518.391
+ Tiền gửi của khách hàng trong nước bằng ngoại tệ	4.748.847	54
+ Tiền gửi của khách hàng nước ngoài bằng ngoại tệ	0	0
<i>Tiền gửi ký quỹ</i>	<i>4.860</i>	<i>7.199</i>

9. Vay NSNN, TCTC, TCTD

DVT: triệu đồng

Khoản mục	2011	2012
Vay NSNN, TCTC, TCTD	14.523.560	12.604.690
Vay NSNN	6.765.028	4.295.494
Vay TCTC, TCTD trong nước	6.821.272	3.268.820
Vay TCTC, TCTD ở nước ngoài	937.260	5.040.376

10. Vốn uỷ thác đầu tư

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2011	2012
Vốn uỷ thác đầu tư	107.387.599	121.937.930
Nhận vốn ODA cho vay lại	107.061.466	122.360.297
Chênh lệch tỷ giá vốn ODA	1.527.298	0
Vốn uỷ thác HTSĐT	166.517	111.207
+ Vốn được uỷ thác	742.821	844.998
+ Cấp HTSĐT	(576.304)	(733.791)
Vốn uỷ thác cấp phát	(460.135)	(149.131)
+ Vốn được uỷ thác	22.900.414	20.302.681
+ Cấp phát uỷ thác	(23.360.549)	(20.451.812)
Vốn uỷ thác cho vay (*)	(907.547)	(384.443)
+ Vốn được uỷ thác	32.769.928	33.479.717
+ Cho vay uỷ thác	(33.677.475)	(33.864.160)

11. Phát hành giấy tờ có giá

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2011	2012
Phát hành giấy tờ có giá	115.504.800	127.348.800
<i>Phát hành tín phiếu, trái phiếu bằng VNĐ</i>	<i>115.504.800</i>	<i>127.348.800</i>
Mệnh giá trái phiếu	115.504.800	127.348.800
Phụ trội trái phiếu	0	0
Chiết khấu trái phiếu	0	0
<i>Phát hành tín phiếu, trái phiếu bằng ngoại tệ</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
Mệnh giá trái phiếu	0	0
Phụ trội trái phiếu	0	0
Chiết khấu trái phiếu	0	0

12. Các khoản phải trả, phải nộp

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2011	2012
Các khoản phải trả, phải nộp	5.270.968	3.699.346
Nợ phải trả	3.683.699	3.693.494
+ Phải trả lãi, phí vốn nhận uỷ thác cho vay	3.202.842	3.331.045
+ Phải trả người bán	1.361	2.639
+ Phải trả CBVC	202.527	170.251
+ Phải nộp Nhà nước (gồm: vốn ODA chưa đến kỳ trả Bộ Tài chính, phải nộp nhà nước khác)	4.925	2.776
+ Phải trả, phải nộp khác	272.045	186.783
Phải trả trong hoạt động thanh toán	1.587.269	5.852

13.Tài sản Nợ khác

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2011	2012
Tài sản Nợ khác	3.552.825	2.666.415
+ Tiền giữ hộ chờ thanh toán	9.364	3.916
+ Quỹ dự phòng rủi ro	3.217.919	2.296.242
+ Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	75.658	79.556
+ Tài sản nợ khác	249.884	286.701

14.Vốn của NHPT

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2011	2012
Vốn của NHPT	12.124.931	12.311.097
Vốn điều lệ	10.291.211	10.302.342
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản	23.245	18.215
Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.810.475	1.990.540

15. Quỹ của NHPT

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2011	2012
Quỹ của NHPT	2.052.574	2.610.358
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	455.187	770.493
Quỹ đầu tư phát triển	1.597.387	1.839.865
Quỹ khác	0	0

16. Kết quả hoạt động chưa phân phối

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2011	2012
Kết quả hoạt động chưa phân phối	1.749.260	1.497.246
Kết quả hoạt động chưa phân phối kỳ trước	846.298	886.962
Kết quả hoạt động chưa phân phối kỳ này	902.962	610.284

17. Thu lãi cho vay

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2011	2012
Thu lãi cho vay	7.358.385	8.930.837
Thu lãi cho vay TDXK	918.429	674.322
Thu lãi cho vay tín dụng đầu tư	4.997.639	5.903.937
Thu lãi các hoạt động cho vay khác	1.442.317	2.352.578

18. Thu lãi tiền gửi

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2011	2012
Thu lãi tiền gửi	4.919.364	2.919.078
Thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	70.684	45.939
Thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.848.680	2.873.139

19. Tổng thu ngoài lãi

DVT: triệu đồng

Khoản mục	2011	2012
Tổng thu ngoài lãi	3.947.584	6.299.908
Thu cấp bù CLLS và phí quản lý (*)	3.670.794	5.989.859
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	2.098	2.024
Thu phí dịch vụ thanh toán	8.091	4.883
Thu phí dịch vụ ngân quỹ	6	2
Thu từ nghiệp vụ uỷ thác, đại lý (**)	232.011	233.297
Các khoản thu nhập khác	34.584	69.843

(*): Gồm phí quản lý TDĐT, TDXK, cho vay vốn ủy thác của BTC

(**): Không gồm phí quản lý cho vay vốn ủy thác của BTC

20. Chi trả lãi tiền vay

DVT: triệu đồng

Khoản mục	2011	2012
Chi trả lãi tiền vay	1.441.832	1.101.991
Chi trả lãi tiền vay ngắn hạn	89.649	97.584
Chi trả lãi tiền vay trung và dài hạn	1.352.183	1.004.407

21. Chi trả lãi tiền gửi

DVT: triệu đồng

Khoản mục	2011	2012
Chi trả lãi tiền gửi	653.202	1.428.103
Chi trả lãi tiền gửi không kỳ hạn	34.905	23.186
Chi trả lãi tiền gửi có kỳ hạn	618.297	1.404.917

22. Chi trả lãi phát hành giấy tờ có giá

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2011	2012
Chi trả lãi phát hành giấy tờ có giá	10.141.168	12.742.560
Thu cấp bù CLLS và phí quản lý (*)	10.141.168	12.742.560

23. Chi phí ngoài lãi

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2011	2012
Tổng chi phí ngoài lãi	2.973.168	2.266.886
Chi khác về huy động vốn	71.315	183.344
Chi về dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	2.502	1.713
Chi nộp thuế, phí, lệ phí	485	461
Chi hoạt động khác	1.169	17.718
Chi phí cho nhân viên	560.486	510.343
Chi hoạt động quản lý và công vụ	129.678	148.020
Chi khấu hao TSCĐ	227.510	96.194
Chi dự phòng	1.809.679	1.269.690
Chi phí khác	170.339	39.403

OVERVIEW OF VIETNAM DEVELOPMENT BANK

1. The establishment and development of VDB

Vietnam Development Bank (VDB in abbreviation) was established according to Decision No.108/2006/QĐ-TTg dated May 19, 2006 by the Prime Minister on establishment of Vietnam Development Bank based on the reorganization of Development Assistance Fund. VDB has operation period of ninety-nine (99) years upon effectiveness of the Decision 108/2006/QĐ-TTg.

VDB's financial management regulations comply with Decision 44/2007/QĐ-TTg dated March 30, 2007 by the Prime Minister. At the same time, the organizational and operational regulations of VDB are in accordance with Decision No. 110/2006/QĐ-TTg dated May 19, 2006 by the Prime Minister. VDB's financial mechanism is in line with the Decision No. 44/2007/QĐ-TTg dated March 30, 2007 by the Prime Minister.

VDB is recognized as a legal entity with chartered capital of VND 10 trillion, operating on the nonprofit basis. VDB's solvency is guaranteed by the Government without compulsory reserve ratio and deposit insurance. This bank is exempted of tax and is not required to make any payment to the State Budget.

With the motto "**Safety - Efficiency - International Integration - Sustainable Development**", after 6 years of growth and development, VDB has made an important contribution to the country's industrialization and modernization.

Headquarter:

Address: 25A Cat Linh Dong Da Hanoi

Tel : (+84 4) 3736 5659 or (+844) 3736 5671

Fax: (+84 4) 3736 5672

2. Functions and missions of VDB

Decision No.108/2006/QĐ-TTg dated May 19, 2006 of the Prime Minister on establishment of VDB regulates its specific functions and missions as below:

- Mobilize and receive funds from domestic and foreign institutions to implement State investment credits and export credit policies of Government;

- Implement State policies on investment and export credit in line with Government regulations.

- Manage the on-lending ODA funds delegated by the Government; receive trust funds for grant and/or investment lending, collect debt on behalf of domestic and foreign organizations in accordance with trust agreements signed between VDB and relevant organizations;

- Entrust VDB's credit activities to financial and credit institutions;

- Provide settlement service for customers and take part in domestic and international settlement system in purpose to serve VDB's activities in compliance with current legal regulations;

- Promote international cooperation in the fields of development investment credit and export credit;

In the implementation process, VDB undertakes other tasks assigned by the Prime Minister as below:

- Guarantee loans from commercial banks in Vietnam for companies under the Decision No.14/QĐ-TTg dated January 21, 2009 by the Prime Minister;

- Extend loans for companies which are experiencing difficulties due to the economic slowdown to pay salary and social insurance for unemployment insurance with the Decision No.30/QĐ-TTg dated February 23, 2009 by the Prime Minister;

- Perform other duties assigned by the Prime Minister such as management fund allocation and payment for component projects of the Son La Hydropower Plant, including population resettlements, factories building, and anti-flood roads. Since 2008, Prime Minister requires VDB to carry out the fund mobilization and investment for the construction of Hanoi - Haiphong Expressway.

3. VDB's funding sources

- Funds from the State Budget are used for:

- a) VDB's chartered capital
- b) Funds from State Budget for project in accordance with the annual plan.
- c) Official development assistance fund (ODA) by Government

- Mobilized funds:
 - a) Issuing bonds and deposit certificates in accordance with law regulations;
 - b) Funding from postal saving, Social Security, financial and credit institutions in Vietnam and outside of Vietnam.
- Trusted fund form international and domestic organizations.
- Grant and non-refundable from individuals, organizations, financial organizations, socio-politic organizations, associations, groups in Vietnam and outside of Vietnam.
 - Trusted funds from local authorities, economic organizations, social and politic organizations, associations, groups in Vietnam and outside for allocation, on-lending loans.
- Other funding sources as regulated by laws.

BOARD OF MANAGEMENT'S REPORT

Overview of Global Economy and Vietnam in 2012 and VDB's performance

1. Overview of global economy and Vietnam in 2012 – and its major impacts on VDB's performance

The world economy 2012 is mainly featured by economic crisis and downturn. The pace of world economic growth witnessed a gradual decrease, at 2.3%, lower than in 2011 (4%). Especially the slowdown of leading economies triggered bad influences on the other. Besides, the debt crisis in Europe, "fiscal cliff" in the U.S. and decreased economic growth are all the biggest threats that have not been resolved yet; thereby causing the instability to the world economy. Moreover, the world still experiences increasing unemployment rate, limited purchasing power, badly affected production and global trade, complicated commodity price fluctuation.

In the global economic context of challenges and risks, our economy would certainly suffer from negative influence on business operations and people's lives. Aiming for thriving through economic crisis, the Party and Government set out an action plan for the year of 2012. The priority is to curb inflation, stabilize the macro-economy, maintain reasonable growth associated with renewing the growth model and restructuring the economy, improve the quality, effectiveness and competition, maintain social welfare, security and improve people's living standards, political stability, ensure national defense, social security, order and safety; improve efficiency of external activities and international integration.

- GDP growth rate in 2012 at 5.03%:

Gross Domestic Production (GDP) in 2012 estimatedly grows by 5.03% compared with 2011 and balancedly grows in three economic sectors. The GDP growth rate in 2012 is lower than the rate of 5.89% of the previous year. However, in the context of world economy, it is reasonable to focus on targets to curb inflation, stabilize the macro-economy, showing gradual improvement over each quarter, confirming the timely efficiency of measures and solutions proposed by the Party Central Committee, the National Assembly and the Government. The size of the economy is about USD 155 billion, with GDP per capita amounted to \$ 1,749/year.

- Investment in development reached VND 989.3 trillion

Social investment reaches VND 989.3 trillion in 2012, increased by 7% yoy, accounting for 33.5% of GDP. However, the investment share of GDP in 2012 hits lowest percentage since 2000. In particular, the capital of the state sector, non-state sector and FDI accounted for 37.8%, 38.9%, 23.3%, alternatively.

- Export turnover of USD 228.3 billion

Vietnam's Export - Import turnover hits the record at USD 228.3 billion in 2012, which increased by 12.1% yoy. The export turnover amounts to USD 114.57 billion, which increased by 18.2% and the import turnover reaches USD 113.79 billion, which increased by 6.6%. After 20 years, this has been the first year that Vietnam export surplus reached USD 780 million, reducing the pressure on the balance of payment and contributing to decrease inflation in 2012.

- Budget deficit in 2011 reduced to 4.8%

State Budget income is VND 658.6 trillion in 2011, achieving 88.9% of the target (2.3% lower yoy). State Budget expenses in 2012 are about VND 821.2 trillion, which increase by 3.2% yoy. The State Budget deficit 2012 is about 4.8% of GDP, which is lower than 2011 (4.9% GDP) and meets the National Congress' target. In particular, the public debt is in the safety limits.

- Increasing Credit Rate of 8.9%

According to Decision No.01/NQ-CP dated January 3, 2012 and Decision No.13/NQ-CP dated May 10, 2012 by the Government and Directives of the Prime Minister, the State Bank has implemented tight monetary policy to ensure liquidity, stabilize monetary, forex and gold markets, reduce quickly lending interest rate and restructure the banking system. Value of total payment instruments increase to 22.4% yoy, higher than the target. Average deposit interest rate reduced by 3 - 6% VND/ year. The lending interest rate also decreased by 5 - 9%/ year. In addition, the interbank interest rate decreased to 10 - 11%/year. Credit growth reached 8.91% in 2012, in which VND credit increased by 11.51% while the foreign currency one decreased by 1.56% yoy. The average buying exchange rate of commercial banks decreased by 1% yoy, narrowing the gap between the official rate and the black market one; thereby, reducing the dollarization ratio

from 15.8% in late 2011 to 12.3%. Especially, the year 2012 marks the beginning of banking system restructuring in order to improve the operational capacity and competitiveness of domestic banks regionally and globally.

Besides those gained achievements, there are still numerous difficulties arising from the macro economy, businesses and households, namely the lowest growth rate in recent years, inefficient investment, especially slow restructuring of public investment; modest increase in purchasing power accompanied by increasing inventory turnover, low consumption rate of goods and services, increasing cases of companies dissolution, therefore reducing employment rate and income, which in turn imposes negative impacts on consumption. For the financial banking system, bad debts being main causes for instability should be urgently solved. The frozen real estate market experienced difficulties and decline in most of its market segments with slow progress of projects, plunged prices, low transactions pace. The stock market is stagnant and low in liquidity. The gold market is in plain fluctuation.

The above economy context has affected VDB's operation as below;

First, the global financial and monetary crisis has undermined the inflow of mobilized funds from international organizations, especially ODA fund in 2012 reaching \$7.4 billion, decreased by 0.5 billion USD yoy, which directly affect lending funds of VDB to projects.

Second, declining demand on Vietnam's export (mainly European and US markets) along with fluctuated commodity prices has shrunken markets of Vietnam companies. Although Vietnam export experiences a surplus in 2012, mainly from crude oil export, sales of competitive advantage products tends to decrease. Many borrowers of VDB's investment credit witness financial difficulties due to increasing input costs and instable output.

Third, decreased interest rate creates opportunities for businesses to reduce costs of production and business activities. However, low mobilizing interest rate makes VDB less appeal to its depositors and bond investors.

Fourth, the restructuring of banking system requires VDB to restructure itself, mainly in terms of bad debt solution, the common disease of banking system. In the economic context of limited resources, reduced financial capacity

of businesses along with VDB internal difficulties and urgent requests from the Government, the restructuring of VDB should overcome numerous obstacles with a need for time and detailed roadmap.

Fifth, VDB is taking more and more critical role assigned by the Government to promote socio-economy development. Projects/customers disbursement requirements put high pressure on VDB funding sources to balance its portfolio as well as ensure credit safety, liquidity and risk management.

2. VDB's performance in 2012

2.1. Fund reception and mobilization

In the context of difficulties in the financial and monetary market of 2012, VDB successfully mobilizes sufficient fund for business in accordance with the Government and the Prime Minister's tasks. The mobilized fund of VDB is VND 34,880 billion from government-guaranteed bonds issuance. Additional, VND 2,000 billion is allocated under Decision No.13/NQ-CP dated May 10, 2012 by the Government.

2.2. Investment Credit

VDB continues to maximize its support to companies for the implementation of investment projects and key programs of the Government, VDB disbursed VND 21,819 billion in 2012. Outstanding credit growth amounted to 10.4%, close to the Prime Minister's target of 10.8%. Investment credit is prioritized to finance projects in transition that is about to be completed and put in operation and key Government programs.

Along with tight control over the lending process, VDB has emphasis on debt solving and recovery and has measures to reschedule credit for projects in difficulties as incentives of the Decision No.13/NQ -CP.

2.3. Export credit

VDB has signed 751 loan agreements for export enterprises with total value of VND 9,272 billion. VDB's export credit positively contributed to export sectors and regions, particularly catfish export. Average outstanding reached VND 12,800 billion in 2012, equivalent to 76% of the previous year. In lending activities, VDB has strengthened control over customers and internal crosscheck, thereby preventing and limiting credit risk.

2.4. ODA fund and revolving funds

VDB manages 390 on-lending ODA projects in Vietnam with total committed amount of USD 10,987 million; and USD 92.5 million for 43 national target programs as agreed in credit agreement between Vietnam Government and donors, and USD 68.8 million of Vietnam ODA for two abroad projects. In 2012, total ODA disbursement is VND 18,265 billion (or USD 876 million), which surpasses the disbursement target. Credit and debit entries have been made timely, creating favorable conditions for investor's accounting and VDB's loan management and recovery from projects.

2.5. Post-investment subsidy, trust fund management and miscellaneous

VDB continues managing and providing post-investment subsidy to 183 projects with total commitment value of above VND 2,087 billion. The subsidy amount in 2012 is approximately VND 253 billion.

For the allocation and lending of trust funds for resettlement and settlement of Son La Hydropower project, VDB is managing 2,235 sub-projects, including 1,883 completed projects. In 2012, VDB has allocated about VND 2,000 billion for the projects in time and boost the projects implementation.

Trust fund disbursement in 2012 is VND 313 billion.

2.6. Guarantee for companies loan from commercial banks:

In 2012, VDB continues to provide guarantee to companies that wish to borrow from commercial banks. By now, 158 guarantee letters are still valid with the guaranteed amount of VND 2.063 billion of which USD 25.6 million is still outstanding. VDB's guarantee has supported companies to better access to commercial banks' funds and ensured their production and business activities.

2.7. Internal construction

VDB's internal construction has been proactively deployed to modernize facilities and working conditions of VDB. VDB has fulfilled 48% of its asset procurement and construction plan.

2.8. International cooperation:

International cooperation activities have greatly supported the mobilization of foreign funds to decrease the funding pressure on VDB, meeting funding demand

of key projects (such as Hanoi- Haiphong expressway project, Wind farm power development program, supporting industries promotion and export credit financed from Japan Bank for International Cooperation project (JBIC)).

Besides, VDB has promoted its image, and partnership network, gradually integrating with financial institutions in the region through its membership to such organizations as ADFIAP and AEBF.

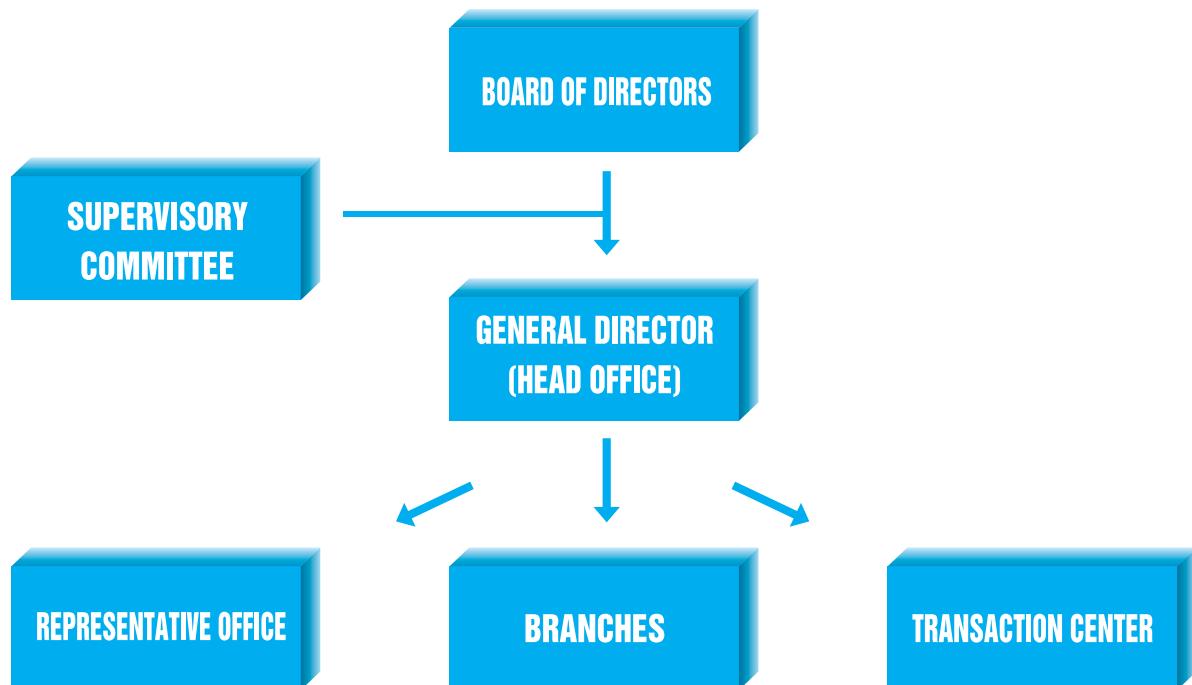
2.9. Legal work

Legal work in the system has been put into place and improved, including proposals for legal mechanism, legal support, spreading laws and investigating the legal compliance.

2.10. Settlement

Settlement system from Head office to branches has been improved towards professionalization and modernization, ensuring smooth operation. The system complies with three criteria i.e. stable, safe and accurate in accordance with the provisions of VDB. The effectiveness of payment has been ensured, proved by two factors which are faster settlement; economical and reasonable cost.

ORGANIZATION STRUCTURE



Members of Board of Directors (BOD) and Board of Management (BOM) of VDB 2012

Members of VDB's Board of Directors

Mr. Tran Xuan Ha	Deputy Minister of Finance, Standing member
Mr. Cao Viet Sinh	Deputy Minister of Planning and Investment, member
Mr. Dang Thanh Binh	Deputy Governor of the State Bank of Vietnam, member
Mr. Nguyen Quang Dung	General Director, member
Mr. Dao Ngoc Thang	Member - in - charge
Mr. Dong Quang Dai	Head of Supervisory Committee, member

Members of VDB's Board of Management VDB

Mr. Nguyen Quang Dung	General Director
Mr. Tran Ba Huan	Deputy General Director
Ms. Dao Dung Anh	Deputy General Director
Mr. Nguyen Chi Trang	Deputy General Director
Mr. Dao Van Chien	Deputy General Director
Mr. Pham Duc Hoa	Deputy General Director
Mr. Tran Phu Minh	Deputy General Director
Mr. Dao Quang Truong	Deputy General Director

VIETNAM DEVELOPMENT BANK'S BRANCHES NETWORK

1	BA RIA - VUNG TAU BRANCH
	Add: 211 Le Hong Phong - 8 Ward - Vung Tau City - Ba Ria Vung Tau Province
	Tel: 064 3857091 Fax: 064 3854676
2	BAC KAN - THAI NGUYEN BRANCH
	Add: 16 Nha Trang - Trung Vuong Ward - Thai Nguyen City - Thai Nguyen Province
	Tel: 0280 3657368 - 0280 3657968 Fax: 0280 3852866
	Branch Office: 02 Hung Vuong - 4 Group - Duc Xuan Ward - Bac Can Town - Bac Can Province
	Tel: 0281 3870008 - 0281 3870210 Fax: 0281 3870628
3	BAC GIANG BRANCH
	Add: Nguyen Thi Luu Street - Bac Giang City - Bac Giang Province
	Tel: 0240 3856 211 Fax : 0240 3857 011
4	BEN TRE BRANCH
	Add: 172 Hung Vuong - 3 Ward - Ben Tre City - Ben Tre Province
	Tel: 075 3826056 Fax: 075 3803358
5	BINH DUONG BRANCH
	Add: 189 Binh Duong Avenue - Phu Tho Ward - Thu Dau Mot Town - Binh Duong Province
	Tel: 0650 3823946 Fax: 0650 3823695
6	BINH DINH BRANCH
	Add: 06 Le Duan - Quy Nhon City - Binh Dinh Province
	Tel: 056 3520719 Fax: 056 3520709
7	BINH PHUOC BRANCH
	Add: Nguyen Van Linh Street - Tan Phu Ward - Dong Xoai Town - Binh Phuoc Province
	Tel: 0651 3870206 Fax: 0651 3879460
8	BINH THUAN BRANCH
	Add: 12 Nguyen Tat Thanh - Binh Hung Ward - Phan Thiet City - Binh Thuan Province
	Tel: 062 3824719 Fax: 062 3833451
9	CAO BANG BRANCH
	Add: 32 Xuan Truong Street - Hop Giang Ward - Cao Bang Town - Cao Bang Province
	Tel: 026 3853673 Fax: 026 3853069
10	CAN THO - HAU GIANG AREAS BRANCH
	Add: 01 Hai Ba Trung - Ninh Kieu District - Can Tho City
	Tel: 0710 3821769 Fax : 0710 3821778
	2. Hau Giang Transaction Office: 75 Ngo Quoc Tri - 5 District - Vi Thanh Town - Hau Giang Province
	Tel: 0711 3870135 Fax : 0711 3870136
11	DA NANG BRANCH
	Add: 74 Quang Trung - Thach Thang Ward - Hai Chau District - Da Nang City
	Tel: 0511 3834265 Fax: 0511 3830577

12	DAKLAK - DAKNONG AREAS BRANCH
	Add: 15 Truong Chinh - Buon Ma Thuot City - Daklak Province
	Tel: 0500 3956365 Fax: 0500 3955675
13	DIEN BIEN BRANCH
	Add: 908 - 7/5 Street - Muong Thanh Ward - Dien Bien Phu City - Dien Bien Province
	Tell: 0230 3827385 Fax: 3.825.801
14	DONG NAI BRANCH
	Add: Nguyen Ai Quoc Street - Quang Vinh Ward - Bien Hoa City - Dong Nai Province
	Tel: 061 3828558 Fax: 061 3826288
15	DONG THAP - AN GIANG AREAS BRANCH
	1. Branch Office: 48 Nguyen Quang Dieu - Ward 1 - Cao Lanh City - Dong Thap Province
	Tel: 067 3852472 Fax: 067 3852477
	2. An Giang Transaction Office: Add: 83 Nguyen Hue - My Long Ward - Long Xuyen City An Giang Province
	Tel: 0763 846220 Fax: 0763 846223
16	GIA LAI BRANCH
	Add: 02A Hoang Hoa Tham - Pleiku City - Gialai Province
	Tel: 059 3875128 Fax : 059 3822505
17	HA NAM BRANCH
	Add: 03 Tran Phu Street - Quang Trung Ward - Phu Ly City - Ha Nam Province
	Tel: 0351 3852095 Fax: 0351 3854130
18	HA GIANG BRANCH
	Add: 10 Bach Dang - Nguyen Trai Ward - Ha Giang Town - Ha Giang Province
	Tel: 0219 3866958 Fax: 0219 3866958
19	HA TINH BRANCH
	Add: 01 Dang Dung Street - Ha Tinh City - Ha Tinh Province
	Tel: 039 3857273 Fax: 039 3856575
20	HAI DUONG BRANCH
	Add: 7 Hong Quang Street - Nguyen Trai Ward - Hai Duong City - Hai Duong Province
	Tel: 0320 3856114 Fax: 0320 3857771
21	HAI PHONG BRANCH
	Add: 47A Luong Khanh Thien - Ngo Quyen Ward - Hai Phong City
	Tel: 031 3921710 Fax: 031 3921201
22	HUNG YEN BRANCH
	Add : 07 Chu Manh Trinh Street - Hien Nam Ward - Hung Yen City - Hung Yen Province
	Tel: 0321 3551089 Fax: 0321 3862798
23	KHANH HOA BRANCH
	Add: 65 Yersin - Nha Trang City - Khanh Hoa Province

	Tel: 058 3825091 Fax: 058 3825435
24	KIEN GIANG BRANCH
	Add: No. 321, 3/2 Street - Vinh Lac Ward - Rach Gia City - Kien Giang Province
	Tell: 077 3863637 Fax: 077 3868165
25	KOM TUM BRANCH
	Add: 84B Phan Chu Trinh - Kon Tum City - Kom Tum
	Tel: 060 3862906 Fax: 060 3863890
26	LAI CHAU BRANCH
	Add: Quyet Thang Ward - Lai Chau Town - Lai Chau Province
	Tel: 0231 3875408 Fax: 0231 3876769
27	LAM DONG BRANCH
	Add: 2A Le Hong Phong - 4 Ward - Da Lat City - Lam Dong Province
	Tel: 063 3825356 Fax: 063 3825983
28	LANG SON BRANCH
	Add: 53 Le Loi - Vinh Trai Ward - Lang Son City - Lang Son Province
	Tel: 025 3872196 Fax: 025 3873010
29	LAO CAI BRANCH
	Add: 1/5 Street - Nam Cuong Ward - Lao Cai City - Lao Cai Province
	Tel: 020 3825161 Fax: 020 3820576
30	MINH HAI AREAS BRANCH
	1.Branch Office: 07 - An Duong Vuong Street - 7 Ward - Ca Mau City - Ca Mau Province
	Tel : 073 835018 Fax: 073 836016 - 073 685116
	2. Bac Lieu Transaction Office: 175 Tran Quynh Street - 1 Ward - Bac Lieu City Bac Lieu Province
	Tel: 0781 3820328 Fax: 0781 3823960
31	NAM DINH BRANCH
	Add: 151 Bac Ninh Street - Nguyen Du Ward - Nam Dinh City - Nam Dinh Province
	Tel: 0350 3846862 Fax: 0350 3844033
32	NGHE AN BRANCH
	Add: 45 Duy Tan Street - Hung Phuc Ward - Vinh City - Nghe An Province
	Tel: 038 3840668 Fax: 038 3846228
33	NING BINH BRANCH
	Add: 05 Le Hong Phong - Van Giang - Ninh Binh City - Ninh Binh Province
	Tel: 030 3872624 Fax: 030 3873066
34	NING THUAN BRANCH
	Add: No. 28 16/4 Street - Phan Rang City - Thap Cham - Ninh Thuan Province
	Tel: 068 3824540 Fax : 068 3824569
35	PHU THO BRANCH

	Add: 1500 - Hung Vuong - Gia Cam Ward - Viet Tri City - Phu Tho Province
	Tel: 0210 3845227 Fax: 0210 3848700
36	PHU YEN BRANCH
	Add: 337 Le Duan - 7 Ward - Tuy Hoa City - Phu Yen Province
	Tel : 057 3842454 Fax : 057 3841056
37	QUANG BINH BRANCH
	Add: 02 Tran Hung Dao - Dong Hoi City - Quang Binh Province
	Tel: 052 3822003 Fax: 052 3822338
38	QUANG NAM BRANCH
	Add: 13 Tran Hung Dao - Tam Ky City - Quang Nam Province
	Tel: 0510 3852926 Fax: 0510 3852296
39	QUANG NGAI BRANCH
	Add: 29 Hai Ba Trung - Quang Ngai City - Quang Ngai Province
	Tel: 055 3828528 Fax: 055 3820533
40	QUANG NINH BRANCH
	Add: 03 Dong Ho Street - Ha Long City - Quang Ninh Province
	Tel: 033 3828050 Fax: 033 3828174
41	QUANG TRI BRANCH
	Add: 184 Tran Hung Dao Street - Dong Ha City - Quang Tri Province
	Tel: 053 3851857 - 053 3854707 Fax : 053 3851085
42	TRANSACTION CENTER I
	1. Branch Office : 104 Tran Hung Dao Street - Cua Nam Ward - Hoan Kiem District - Hanoi
	Tel: 04 39427908 Fax: 04 39427900
	2. Vinh Phuc Transaction Office: 10 Kim Ngoc Street - Vinh yen City - Vinh Phuc Province
	Tel: 0211 3860591 Fax: 0211 3861163
	3. Hoa Binh Transaction Office: Dong Tien Street - Hoa Binh City - Hoa Binh Provine
	Tel: 0218 3856 600 Fax: 0218 3856 604
	4. Bac Ninh Transaction Office Add: No 02 Nguyen Dang Dao Street - Tien An Ward Bac Ninh City- Bac Ninh Province
	Tel: 0241 3822024 Fax: 0241 3822625
43	TRANSACTION CENTER II
	1. Branch Office: 229 Dong Khoi - Ben Nghe Ward - 1 District - Ho Chi Minh City
	Tel: 08 38250063 Fax : 08 38245811
	2. Long An Transaction Office:
	Add: 06 Phan Boi Chau Street - I Ward - Tan An City - Long An Province
	Tel: 072 3824406 Fax: 072 3822133 - 072 3553508
44	SOC TRANG BRANCH
	Add: 16 Tran Hung Dao - 2 Ward - Soc Trang City - Soc Trang Province

	Tel: 079 3822618	Fax: 079 3820778
45	SON LA BRANCH	
	Add: 56B - Lo Van Gia Street - Son La City - Son La Province	
	Tel: 022 3852 861	Fax: 022 3853 060
46	TAY NINH BRANCH	
	Add: No.385, 30/4 Street - I Ward - Tay Ninh Town - Tay Ninh Province	
	Tel : 066 3810 851	Fax : 066 3827088
47	THAI BINH BRANCH	
	Add: 5 Le Loi Street - Le Hong Phong Ward - Thai Binh City - Thai Binh Province	
	Tel: 036 3734426	Fax: 036 3734840
48	THANH HOA BRANCH	
	Add: 44A Le Loi Avenue - Tan Son Ward - Thanh Hoa City - Thanh Hoa Province	
	Tel: 037 3853098	Fax: 037 3854048
49	THUA THIEN HUE BRANCH	
	Add: 02 Nguyen Thi Minh Khai - Hue City - Thua Thien Hue Province	
	Tel: 054 3828526	Fax: 054 3828527
50	TIEN GIANG BRANCH	
	Add: No 19, Nam Ky Khoi Nghia Street - 4 Ward - My Tho City - Tien Giang Province	
	Tel: 073 2210629	Fax: 073 3875542
51	TRA VINH BRANCH	
	Add: 7A Trung Nu Vuong - I Ward - Tra Vinh City - Tra Vinh Province	
	Tel 074 3854007	Fax: 074 3854076
52	TUYEN QUANG BRANCH	
	Add: 2588 Tan Trao Street - Minh Xuan Ward - Tuyen Quang TOWN - Tuyen Quang Province	
	Tel: 027 3821382	Fax: 027 3821461
53	VINH LONG BRANCH	
	Add: No 8 Hung Dao Vuong - 1 Ward - Vinh Long City - Vinh Long Province	
	Tel : 070 3824262	Fax : 070 3824425
54	YEN BAI BRANCH	
	Add: 1026 Dien Bien Phu Street - Dong Tam Ward - Yen Bai City - Yen Bai Province	
	Tel: 029 3853 158	Fax: 029 3851 319

**FINANCIAL STATEMENT
VIETNAM DEVELOPMENT BANK 2012**

AUDIT OPINION

"After adjusting the data according to the results of the audit team of State Auditor, Financial Report 2012 of the Vietnam Development Bank has fully reflected its assets and accounts as regulated".

*(From "Audit Report on Financial Report 2012 of the
Vietnam Development Bank")*

FINANCIAL STATEMENT PRINCIPLES

1. In 2012, VDB's financial accountancy is implemented in forms and contents of the accounting system, accounting report, bookkeeping system as stipulated by the Decision No.15682/BTC-CDKT dated December 14, 2008 and Decision No.12375/BTC-CDKT dated October 4, 2008 of Minister of Finance (MOF).

2. Accounting period: from January 1 to December 31

3. Accounting Currency for financial statement: Vietnam Dong (VND)

Account in foreign currency will be accounted in the relevant currency. At the end of each month, account outstanding and account transactions shall be converted into VND for consolidation and reflected in balance of accounts of each month.

4. Accounting method: combination of accrual and cash accounting.

Interest rate subsidy and expenses of borrowing will be noted on the net receipt principle (net proceed principle).

For other transactions, the accrual principle is in use.

5. Accounting method for fixed assets:

Fixed assets are monitored, used and depreciated based on the Circular No.203/2009/TT-BTC dated November 20, 2009 by Ministry of Finance.

6. Accounting form: computer accounting software that is designed on the principle of journal accounting form.

BALANCE SHEET

Unit: VND million

Item	Notes	2011	2012
A - Asset			
Cash in hand	1	8.332	3.825
Deposit	2	32.046.617	26.994.809
Operating assets	3	226.932.798	242.990.839
Receivables	4	10.809.820	16.571.513
Fixed assets	5	1.226.943	1.322.303
Others	6	3.683.613	3.817.603
Total asset		274.708.123	291.700.892
B - Liabilities			
Deposit at State Treasury, Financial institutions and credit institutions.	7	342.021	2.499.366
Deposit of Economic institutions and customers	8	12.199.584	4.525.644
Borrowings from State budget and Financial institutions and credit institutions	9	14.523.560	12.604.690
Trust funds	10	107.387.599	121.937.930
Valuable papers	11	115.504.800	127.348.800
Payables	12	5.270.970	3.699.346
Others	13	3.552.823	2.666.415
VDB's chartered capital	14	12.124.931	12.311.097
VDB's funds	15	2.052.574	2.610.358
Undistributed retained earnings	16	1.749.261	1.497.246
Total Liabilities		274.708.123	291.700.892

INCOME STATEMENT

Unit: VND million

Item	Notes	2011	2012
Interest on loans	17	7.358.385	8.930.837
Interest on deposits	18	4.919.364	2.919.078
Non - interest revenue	19	3.947.584	6.299.908
Total revenue		16.225.333	18.149.823
Expenses for interest	20	1.441.832	1.101.991
Expenses for deposits.	21	653.202	1.428.103
Expenses for interest of valuable papers	22	10.141.168	12.742.560
Non-interest expenses	23	2.973.169	2.266.886
Total expenses		15.209.371	17.539.540
Difference between expenses and revenue.		1.015.962	610.283

FINANCIAL NOTES

1.Cash

Unit: VND million

Item	2011	2012
Cash	8.332	3.825
Cash in hand	8.332	3.825

2. Deposits

Unit: VND million

Item	2011	2012
Deposit	32.046.617	26.994.809
At State Bank of Vietnam	269.972	199.572
At credit institutions	31.776.645	26.795.237
+ Non term deposit	2.765.912	2.611.617
+ Term deposit	29.010.732	24.183.620

3. Operating asset

Unit: VND million

Item	2011	2012
Operating asset	226.932.798	242.990.839
Export credit	16.226.757	10.247.736
Of which:		
+ overdue	2.712.051	3.074.242
+ Frozen debt	-	-
Long and medium term investment credit	97.851.622	101.340.105
Of which:		
+ overdue	3.749.337	1.929.516
+ frozen debt	3.008.769	64.475
Credit to importers	0	0
Of which:		
+ overdue	0	0
+ frozen debt	0	0
ODA on - lending loan	102.643.869	111.307.989
Of which:		
+ overdue	919.641	1.847.391
+ frozen debt	133.519	131.126
Others	10.103.816	19.877.813
Of which:		
+ overdue	162.555	576.496
+ frozen debt	0	100
Guarantee and Re-Guarantee	106.734	217.196

4. Receivables

Unit: VND million

Item	2011	2012
Receivables	10.809.820	16.571.513
Receivables from	2.606.709	5.791.825
+ State budget for management fee and interest difference.	1.993.642	5.195.990
+ other receivables	609.797	592.754
+ advances	3.270	3.081
Receivables from settlement activities (including receivables and payables to MOF for ODA funds not finalized yet)	8.203.111	10.779.688

5. Fixed asset

Unit: VND million

Item	2011	2012
Fixed asset	1.226.943	1.322.303
<i>Tangible fixed asset</i>	<i>183.937</i>	<i>264.120</i>
Principal	739.310	895.587
Accrued depreciation	(555.373)	(631.467)
<i>Not tangible fixed asset</i>	<i>1.043.006</i>	<i>1.058.183</i>
Principal	1.058.686	1.078.488
Accrued depreciation	(15.680)	(20.305)

6. Other assets

Unit: VND million

Item	2011	2012
Other assets	3.683.612	3.817.603
+ tool and material	0	347
+ in construction cost	260.777	218.420
+ advances	2.199	2.068
+ participation, long term investments	3.393.880	3.593.880
+ others assets	26.756	2.888

7. Deposits in State treasury, credit institutions, financial institutions

Unit: VND million

Item	2011	2012
Deposit in State Treasury, credit institutions, financial institutions	342.021	2.499.366
Deposit in State Treasury, credit institutions, financial institutions in VND	342.021	2.499.366
Deposit in State Treasury, credit institutions, financial institutions in foreign currency	0	0

8. Customers' deposit

Unit: VND million

Item	2011	2012
Deposit of Customer & economic institutions	12.199.584	4.525.644
<i>With term and non-terms deposits</i>	<i>12.194.724</i>	<i>4.518.445</i>
+ domestic Customers' deposit in VND	7.445.877	4.518.391
+ domestic Customers' deposit in foreign currency	4.748.847	54
+ foreign Customers' deposit in foreign currency	0	0
Cautions (*)	4.860	7.199

9. Borrowing from State budget, financial institutions and credit institutions

Unit: VND million

Item	2011	2012
Borrowing from State budget, financial institutions and credit institutions	14.523.560	12.604.690
State Budget	6.765.028	4.295.494
Domestic financial institutions and credit institutions	6.821.272	3.268.820
Foreign financial institutions and credit institutions	937.260	5.040.376

10.Trust funds

Unit: VND million

Item	2011	2012
Trust funds	107.387.599	121.937.930
On lending ODA	107.061.466	122.360.297
Foreign exchange rate difference of ODA funds	1.527.298	0
Trust fund for post investment subsidy	166.517	111.207
+ trusted fund	742.821	844.998
+ allocations	(576.304)	(733.791)
Trust fund for allocation	(460.135)	(149.131)
+ trusted fund	22.900.414	20.302.681
+ allocations	(23.360.549)	(20.451.812)
Trust fund for credit (*)	(907.547)	(384.443)
+ trusted fund	32.769.928	33.479.717
+ Disbursement.	(33.677.475)	(33.864.160)

11. Valuable papers

Unit: VND million

Item	2011	2012
Valuable papers	115.504.800	127.348.800
<i>Bonds and notes in VND</i>	<i>115.504.800</i>	<i>127.348.800</i>
Per value	115.504.800	127.348.800
Extra value	0	0
Discount	0	0
<i>Bonds and notes in foreign currency</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
Per value	0	0
Extra value	0	0
Discount	0	0

12. Payables

Unit: VND million

Item	2011	2012
Payable or to be paid	5.270.968	3.699.346
Payables	3.683.699	3.693.494
+ payable for interest and fee of trust funds	3.202.842	3.331.045
+ Payables to sellers	1.361	2.639
+ Payables to employees	202.527	170.251
+ Payables to the government including: payables for ODA funds but not due yet and other payables to Government)	4.925	2.776
+ Other payables	272.045	186.783
Payable in settlement activities	1.587.269	5.852

13. Other liabilities

Unit: VND million

Item	2011	2012
Other liabilities	3.552.825	2.666.415
+ To be settled	9.364	3.916
+ Provisions	3.217.919	2.296.242
+ Provision for unemployment	75.658	79.556
+ Others	249.884	286.701

14. VDB equity

Unit: VND million

Item	2011	2012
VDB equity	12.124.931	12.311.097
Chartered capital	10.291.211	10.302.342
Construction funds	23.245	18.215
Other funds	1.810.475	1.990.540

15. VDB funds

Unit: VND million

Item	2011	2012
VDB funds	2.052.574	2.610.358
Reserve fund for chartered capital increase	455.187	770.493
Investment and Development fund	1.597.387	1.839.865
Others	0	0

16. Un distributed retained earnings

Unit: VND million

Item	2011	2012
Un distributed retained earnings	1.749.260	1.497.246
Un distributed retained earnings of the last year	846.298	886.962
Un distributed retained earnings of this year	902.962	610.284

17. Interest revenue

Unit: VND million

Item	2011	2012
Interest revenue	7.358.385	8.930.837
Interest revenue of export credit	918.429	674.322
Interest revenue of investment credit	4.997.639	5.903.937
Others	1.442.317	2.352.578

18. Revenue from deposit interest

Unit: VND million

Item	2011	2012
Revenue from deposit interest	4.919.364	2.919.078
Non term deposit	70.684	45.939
With term deposit	4.848.680	2.873.139

19. Non- interest revenue

Unit: VND million

Item	2011	2012
Non- interest revenue	3.947.584	6.299.908
Interest difference and management fee (*)	3.670.794	5.989.859
Guarantee premium	2.098	2.024
Settlement fee	8.091	4.883
Treasury fee	6	2
Trust fund fee (**)	232.011	233.297
Other revenue	34.584	69.843

(*): Including export credit and investment credit management fee and management fee of MOF trust fund

(**): Not including management fee from MOF trusted funds

20. Interest expenses

Unit: VND million

Item	2011	2012
Interest expenses	1.441.832	1.101.991
Short term borrowing interest	89.649	97.584
Medium and long term borrowing interest	1.352.183	1.004.407

21. Expenses for deposit interest.

Unit: VND million

Item	2011	2012
Expenses for deposit interest	653.202	1.428.103
Expenses for non-term deposit interest	34.905	23.186
Expenses for with-term deposit interest	618.297	1.404.917

22. Interest expenses for valuable papers

Unit: VND million

Item	2011	2012
Interest expenses for valuable papers	10.141.168	12.742.560
Interest expenses for bonds	10.141.168	12.742.560

23. Non-interest expenses

Unit: VND million

Item	2011	2012
Non-interest expenses	2.973.168	2.266.886
Fund mobilization	71.315	183.344
Settlement and treasury expenses	2.502	1.713
Tax and fee	485	461
Others	1.169	17.718
Expenses for employees	560.486	510.343
Administration expenses	129.678	148.020
Fixed asset depreciation	227.510	96.194
Provisions	1.809.679	1.269.690
Others	170.339	39.403